TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/LĐ-ST
Ngày: 27 - 10 – 2023
V/v: "Tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Thế Viễn
Các Hội thẩm nhân dân: bà Võ Thị Mai
bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thiên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST-LĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023; có quan hệ pháp luật tranh chấp: "Tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 475/2023/QĐXXST-LĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 412/2023/QĐST-LĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 496/2023/QĐST-LĐ, ngày 27 tháng 9 năm 2023.

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; địa chỉ: A L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Công ty TNHH B; địa chỉ: 1 P, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Hải Minh A, sinh năm 1993; địa chỉ: F N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú hiện nay: căn hộ I tòa nhà S Sky V Đ, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2023, bản tự khai, các lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: bà H vào làm Điều dưỡng viên tại Công ty TNHH B (sau đây gọi tắt là Công ty) từ ngày 01/9/2009 đến ngày 31/5/2023. Phụ lục hợp đồng gần nhất số: 14/2022/PLHĐ – AM ngày 01/7/2022, Hợp đồng gần nhất là hợp đồng không thời hạn. Bà H được nghỉ việc từ ngày 01/6/2023 theo Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số:

14/2023/QĐTV-AM ngày 01/6/2023 của Giám đốc Công ty. Từ tháng 01/2023 đến hết tháng 05/2023, Công ty chưa trả lương và chậm đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn cho bà H. Bà H đã nộp đơn yêu cầu Phòng Lao động Thương binh Xã hội quận G giải quyết nhưng không hòa giải được do Công ty vắng mặt.

Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp trong vụ án như sau:

Buộc Công ty TNHH B trả tổng tiền lương và thu nhập cho bà H, cụ thể: tháng 01/2023 là 9.621.175 đồng; tháng 02/2023 là 9.636.175 đồng; tháng 03/2023 là 9.747.250 đồng; tháng 04/2023 là 5.961.125 đồng; tháng 05/2023 là 8.818.600 đồng, tổng cộng là 43.784.325 đ (bốn mươi ba triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng) và tiền bảo hiểm xã hội tháng 6/2022 căn cứ theo mức lương phải đóng là 4.800.000 đồng; tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2022 đến tháng 5/2023 căn cứ theo mức lương phải đóng là 5.015.000 đồng.

Tại phiên tòa bà H xin rút yêu cầu Công ty trả tiền bảo hiểm xã hội tháng 6/2022 căn cứ theo mức lương phải đóng là 4.800.000 đồng; tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2022 đến tháng 5/2023 căn cứ theo mức lương phải đóng là 5.015.000 đồng do Công ty đã đóng số tiền bảo hiểm trên cho bà H. Nhưng bà H có xin bổ sung yêu cầu là đòi Công ty bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp là 12 tháng lương theo quy định của pháp luật vì lý do Công ty chậm đóng bảo hiểm cho bà H khi cho bà H nghỉ việc.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ bị đơn tới Tòa án tham gia tố tụng, nhưng bị đơn không tới nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: theo các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền lương là 43.784.325 đồng. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Do bà H rút yêu yêu cầu Công ty trả tiền bảo hiểm xã hội, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này trong vụ án.

Đối với yêu cầu của bà H là đòi Công ty bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp là 12 tháng lương theo quy định của pháp luật vì lý do Công ty chậm đóng bảo hiểm cho bà khi cho bà nghỉ việc, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu này trong vụ án này vì lý do yêu cầu vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị H khởi kiện Công ty TNHH B (sau đây gọi tắt là Công ty) do vi phạm trong quan hệ lao động, đây là tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội, theo quy định tại Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có trụ sở tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Bị đơn vắng mặt tại Tòa án, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà H có yêu cầu Công ty TNHH B M trả tổng tiền lương và thu nhập cho bà H, cụ thể: tháng 01/2023 là 9.621.175 đồng; tháng 02/2023 là 9.636.175 đồng; tháng 03/2023 là 9.747.250 đồng; tháng 04/2023 là 5.961.125 đồng; tháng 05/2023 là 8.818.600 đồng, tổng cộng là 43.784.325 đ (bốn mươi ba triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập Công ty đến để giải quyết nhưng Công ty vẫn không đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà H tại Tòa án. Do Công ty có giao kết hợp đồng lao động với bà H và đã chấm dứt hợp động lao động. Việc Công ty không đến tham gia tố tụng cũng thể hiện Công ty mặc nhiên thừa nhận số tiền lương còn nợ bà H như bà H đã khai tại Tòa án. Bà H có cung cấp các bảng lương từ tháng 01/2023 đến tháng 5/2023, qua xem xét thì Hội đồng xét xử thấy số liệu khớp với đơn khởi kiện của bà H, căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật lao động năm 2019, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng không chấp nhận yêu cầu bổ sung của nguyên đơn tại phiên tòa vì yêu cầu này vượt quá yêu cầu khởi kiện.

Hội đồng xét xử thống nhất: buộc Công ty TNHH B M phải trả bà H số tiền lương còn nợ từ tháng 01 đến tháng 5/2023 là 43.784.325 đ (bốn mươi ba triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng), trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH B M chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH B M còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn đóng tiền bảo hiểm xã hội tháng 6/2022 căn cứ theo mức lương phải đóng là 4.800.000 đồng; tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2022 đến tháng 5/2023 căn cứ theo mức lương phải đóng là 5.015.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu bổ sung tại phiên tòa do vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đòi Công ty bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp là 12 tháng lương theo quy định của pháp luật vì lý do Công ty chậm đóng bảo hiểm cho bà H khi cho bà H nghỉ việc.

Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí, do bà H có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí. Bị đơn phải chịu án phí là 1.313.530 đ (một triệu ba trăm mười ba ngàn năm trăm ba mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật lao động năm 2019;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: buộc Công ty TNHH B M phải trả bà H số tiền lương còn nợ của từ tháng 01 đến tháng 5/2023 là 43.784.325 đ (bốn mươi ba triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng), trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH B M chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH B M còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn đóng tiền bảo hiểm xã hội tháng 6/2022 căn cứ theo mức lương phải đóng là 4.800.000 đồng; tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2022 đến tháng 5/2023 căn cứ theo mức lương phải đóng là 5.015.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu bổ sung tại phiên tòa do vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đòi Công ty bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp là 12 tháng lương theo quy định của pháp luật vì lý do Công ty chậm đóng bảo hiểm cho bà H khi cho bà H nghỉ việc.

Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí, do bà H có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí. Bị đơn phải chịu án phí là 1.313.530 đ (một triệu ba trăm mười ba ngàn năm trăm ba mươi đồng).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thế Viễn